TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 85/2025/HSST Ngày 25/3/2025	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chính;

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm- Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 71/2025/HSST, ngày 04 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THANH B**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1991; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Võ Văn C và bà Trần Thị Á; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại: Ông Đoàn Tấn Thành C1, sinh năm 1991 (Có mặt);

Địa chỉ: E, thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: I đường D, buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ông Lương Văn L, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: B đường E, thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: E Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

4. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh B là cháu ruột của bà Trần Thị Thanh T1. Vào năm 1995 ông Trần Văn T2, sinh năm 1946, trú tại thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk (hiện nay là Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk), cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H029282, đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.165m^2; địa chỉ tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2020, do tuổi đã cao, nên ông T2 đã ủy quyền cho con gái là bà Trần Thị Thanh T1, đi làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất trên, để cho tặng các con trong gia đình. Sau đó, bà T1 đã liên hệ với Ủy ban nhân dân thị xã B để làm thủ tục cấp mới quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ngày 07 tháng 5 năm 2020, Ủy ban nhân dân thị xã B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC538904, đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.165m^2; địa chỉ tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 13 tháng 10 năm 2021, do bận công việc và phải chăm sóc con nhỏ, nên bà T1 không đi làm thủ tục tách thửa được, do đó bà T1 đã nhờ Trần Thanh B đi làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất trên, thì B đồng ý. Sau đó, bà T1 cùng B đến Văn phòng C3, địa chỉ tại số C đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho B, mục đích để B đi làm thủ tục tách thửa cho bà T1 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B. Ngày 26 tháng 10 năm 2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B đã chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên từ bà Trần Thị Thanh T1 sang cho Trần Thanh B. Sau đó, B liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B để làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất trên, nhưng không thực hiện được, nên B đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên về nhà của B cất giữ. Đến tháng 9 năm 2022, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên B đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC538904, mục đích đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi cầm cố cho người khác để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau đó, B đã lên mạng xã hội liên hệ với người dùng Zalo (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC538904 với số tiền 1.500.000 đồng. Khoảng 5 đến 7 ngày sau, thì có một người thanh niên giao hàng mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CC538904 đến giao cho B và B đưa số tiền 1.500.000 đồng cho người thanh niên này. Đến tháng 3 năm 2023, B đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên đến gặp bạn là Lương Văn L, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đưa cho L xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nói dối đây là thửa đất của B muốn cầm cố để lấy tiền,

nhưng lúc này L không có tiền để cầm cố. Nên L đã gọi điện thoại cho bạn của L2 là Đoàn Tấn Thành C1 nói có người muốn thế chấp thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.165m^2, địa chỉ thửa đất tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 50.000.000 đồng, thì C1 đồng ý cho vay số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu B phải viết Giấy nhận đặt cọc với số tiền 50.000.000 đồng để chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.165m^2, địa chỉ đất xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, thì B đồng ý. Sau đó, L viết Giấy nhận đặt cọc đưa cho B ký, sau khi B ký xong thì C1 sử dụng tài khoản số 6330916100 mở tại Ngân hàng TMCP Đ1 mang tên Phạm Thị T3 (tài khoản của bà Phạm Thị T3) chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 050088572871 mở tại Ngân hàng TMCP N mang tên Trần Thanh B, với nội dung: "luong van long C4 coc thua 5 to ban 05 cubao". Sau đó, B đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CC538904 cho L để giao cho C1 và L không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà B đưa là giả.

Đến ngày 19 tháng 3 năm 2023, do cần tiền để xử lý công việc cá nhân, nên L hỏi mượn tiền B, nhưng B không có tiền. Lúc này, L nói B vay thêm của C1 số tiền 50.000.000 đồng để cho L mượn, thì B đồng ý. Sau đó, L liên hệ với anh C1 nói B muốn mượn thêm 50.000.000 đồng, thì anh C1 đồng ý và yêu cầu B phải làm lại hợp đồng mua bán, sửa lại số tiền đặt cọc trong hợp đồng với nội dung, giá hợp đồng mua bán thửa đất trên là 1.650.000.000 đồng và B nhận của C1 số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.165m^2, địa chỉ đất tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi B đã ký xong Hợp đồng đặt cọc, thì C1 chuyển tiếp đến tài khoản của B số tiền 50.000.000 đồng với nội dung: "Cong chuyen tien them 50triec coc/ 100trieu thua 5 to 05 cubao". Sau khi nhận tiền, B chuyển qua tài khoản của L để cho L mượn. Khoảng 10 ngày sau, L đã trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho B, nhưng B không trả tiền cho C1, mà sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Đến đầu tháng 4 năm 2023, do cần tiền để kinh doanh, nên B đã mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC538904 của chị Trần Thị Thanh T1 đi cầm cố lấy tiền vốn kinh doanh, thì chị T1 đồng ý. Sau đó, B đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC538904 đến cầm cố cho ông Trần Ngọc V, sinh năm 1976 và vợ là bà Phạm Thị Kim L1, sinh năm 1976 để vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Lúc này, ông V và bà L1 yêu cầu B phải làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho ông V và bà Lê Đ đảm bảo việc trả nợ. Sau đó, do không có khả năng trả nợ, nên B đã bỏ đi khỏi địa phương, nên ông V, bà L3 đã chuyển quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng đã ký trước đó với B.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, anh trai của bà T1 là ông Trần Văn Q liên hệ với ông Trần Ngọc V để mua lại thửa đất trên với giá 1.250.000.000 đồng, thì ông V đồng ý. Lúc này, ông V, bà L3 đến Văn phòng C5, địa chỉ số E T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Q theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003959. Sau đó, ông Q mang toàn bộ hồ sơ đến Văn phòng M1 của Phan Thanh C2, địa chỉ tại thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, thuê C2 làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối

với thửa đất trên, thì anh C2 đồng ý. Ông Q đưa toàn bộ hồ sơ cho C2 và thoả thuận tiền đóng thuế đất là 36.000.000 đồng. Sau đó, ông Q cùng nhân viên Văn phòng M1 là chị Bùi Diễm M, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đến Văn phòng C6, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk làm Hợp đồng ủy quyền cho chị M đi làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Q. Ngày 13 tháng 7 năm 2023, ông Q liên hệ với em trai là Trần Văn V1, sinh năm 1985, trú tại thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mượn số tiền 36.000.000 đồng để chuyển cho C2, thì ông V1 sử dụng tài khoản ngân hàng V2 chuyển số tiền trên đến tài khoản ngân hàng Á1 số 12888917 của anh Phan Thanh C2, nội dung "*A Q1 chuyen tien dong thue dat".*

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, anh Đoàn T4 Thành Công nhiều lần liên lạc với B không được, nên anh C1 đã đi tìm hiểu, thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà B đã đưa cho C1 trước đó có dấu hiệu bị làm giả, nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để giải quyết.

Bản kết luận giám định số: 906/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CC538904, mang tên Trần Thị Thanh T1 là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận giám định số 1986/KL-KTHS ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đoàn Tấn Thành C1 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A" so với chữ ký, chữ viết của anh Đoàn Tấn Thành C1 là do cùng một người ký và viết ra và chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thành B1 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" so với chữ ký, chữ viết của Trần Thanh B là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận định giám định số 1340/KL- KTHS ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Nội dung in liền trước chữ số "250.000.000 đồng" và liền sau chữ ký "Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng" trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất: Xã C, thị xã B, tỉnh Đắk, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B giao nộp đã bị tẩy xóa;

Chữ ký, chữ viết đề tên Phạm Thị Kim L3 so với chữ ký, chữ viết của chị Phạm Thị Kim L3 trong hai mẫu giám định trên là do cùng một người ký và viết ra;

Chữ ký, chữ viết để tên Trần Ngọc V so với chữ ký, chữ viết của anh Trần Ngọc V trong hai mẫu giám định trên là do cùng một người ký và viết ra;

Chữ ký, chữ viết đề tên Trần Văn Q so với chữ ký, chữ viết của anh Trần Văn Q trong hai mẫu giám định trên là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 82/CT- VKS- BMT, ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Thanh B về tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại

điểm d khoản 2 Điều 341 và tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh B khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh B từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh B từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tài sản Trần Thanh B đã chiếm đoạt của ông Đoàn Tấn Thành C1; ông Đoàn Tấn Thành C1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng; do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông C1 số tiền số tiền 100.000.000 đồng;

Bà Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Q không yêu cầu bồi thường gì đối với Trần Thanh B, nên không đề cập giải quyết;

Trong vụ án này, đối với đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC538904 và người thanh niên giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên cho B, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch để triệu tập làm việc, nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau, là có căn cứ và phù hợp;

Đối với Lương Văn L là người giúp Trần Thành B1 liên hệ với Đoàn Tấn Thành C1 để vay tiền, nhưng L không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với L, là có căn cứ và phù hợp;

Đối với việc Trần Văn Q thuê Phan Thanh C2 làm thủ tục chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, nhân viên của Phan Thanh C2 là Bùi Diễm M đã có hành vi nộp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã bị tẩy xoá giá trị chuyển nhượng để thực hiện việc kê khai, đóng thuế đối với thửa đất

trên, thì Cơ quan điều tra đã có công văn và chuyển hồ sơ liên quan đến Chi cục thuế thị xã B để xử lý theo quy định, là có căn cứ và phù hợp.

Bị cáo Trần Thanh B không bào chữa, không tranh luận gì đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường các quy định về quản lý hành chính Nhà nước, coi thường trật tự an toàn xã hội, quyền sở hữu tài sản của người khác, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên Trần Thanh B đã thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC538904, đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Trần Thanh B đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đoàn Tấn Thành C1 với tổng số tiền chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, sau đó hành vi của B bị phát hiện xử lý;

Như vậy hành vi bị cáo Trần Thanh B thực hiện đã phạm vào tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 341 và khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng"

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng";

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính; mà hành vi của bị cáo còn trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của xã hội. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm; bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại hai lần với tổng số tiền 100.000.000đ; do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội;

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

Trong vụ án này, đối với đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC538904 và người thanh niên giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên cho B, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch để triệu tập làm việc, nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau;

Đối với Lương Văn L là người giúp Trần Thành B1 liên hệ với Đoàn Tấn Thành C1 để vay tiền, nhưng L không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lương Văn L;

Đối với việc Trần Văn Q thuê Phan Thanh C2 làm thủ tục chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, nhân viên của Phan Thanh C2 là Bùi Diễm M đã có hành vi nộp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã bị tẩy xoá giá trị chuyển nhượng để thực hiện việc kê khai, đóng thuế đối với thửa đất trên, thì Cơ quan điều tra đã có công văn và chuyển hồ sơ liên quan đến Chi cục thuế thị xã B để xử lý theo quy định;

Đối với 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC538904 là giả và 01 Hợp đồng đặt cọc giữa anh Đoàn Tấn Thành C1 với Trần Thanh B đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất: Xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk do anh Đoàn Tấn Thành C1 giao nộp; 01 (Một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất: Xã C, thị xã B,

tỉnh Đắk Lắk với số tiền 1.250.000 đồng, do ông Trần Văn Q giao nộp; 01 (Một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 5, diện tích 1165m^2, địa chỉ đất: Xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 250.000.000 đồng, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B giao nộp (bản sao), cần chuyển theo hồ sơ vụ án;

Đối với chiếc điện thoại di động mà Trần Thanh B sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, quá trình sử dụng B đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được;

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Đoàn Tấn Thành C1 yêu cầu bị cáo Trần Thanh B phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông C1, do đó cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông C1 số tiền 100.000.000 đồng;

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh B phạm tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh B phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 06 (Sáu) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 15/9/2024;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thanh B có trách nhiệm bồi thường số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho người bị hại ông Đoàn Tấn Thành C1;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thanh B phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ công an tỉnh Đắk Lắk (PV 06);
- VKSND TP. BMT;
- CQ THADS. TP. Buôn Ma Thuột;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương